TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **637**/2023/DS-PT
Ngày: 18/12/2023
V/v tranh chấp:"Hợp đồng vay tài sản*"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

Các Thẩm phán:

1. Ông **Huỳnh Văn Ngoan**.

2. Bà **Lưu Thị Thu Thủy.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tấn Đạt**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Ngọc Thư Trúc**, Kiểm sát viên.

Ngày **18** tháng **12** năm **2023**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 194/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 962/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

* N*guyên đơn*: Bà **Đặng Thị Ngọc L**, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp T, xã XĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Lê Thị Hồng Th**, sinh năm 1983. Địa chỉ: số 244/2 Tổ 8, ấp T, xã TH, huyện CT, Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/10/2022) (có mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: số 509, tổ 3, ấp T, xã XĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022 của nguyên đơn Đặng Thị Ngọc L và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Hồng Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Đặng Thị Ngọc L (ở địa phương hay gọi bà L là chị T). Do chỗ lối xóm, quen biết với nhau nên ngày 20/12/2020 AL (tức ngày 01/02/2021 DL), bà L có cho bà Lê Thị

Ngọc Đ vay số tiền 40.000.000 đồng để trả ngân hàng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, bà Đ có viết và ký tên vào Biên nhận mượn tiền.

Ngày 02/4/2021 AL (tức ngày 13/5/2021 DL), bà L có cho bà Đ vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 04 tháng, bà Đ có viết và ký tên vào Biên nhận mượn tiền. Theo biên nhận có nội dung sửa năm là do bà Đ ghi lộn năm 2020 nên sửa lại là năm 2021.

Tổng cộng bà L cho bà Đ vay số tiền 100.000.000 đồng. Đến nay thời gian đã quá lâu nhưng bà Đ vẫn không trả số tiền nợ gốc và cũng không trả số tiền lãi nào cho bà L, mặc dù bà L nhiều lần liên hệ yêu cầu bà Đ trả nợ nhưng cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác mà không chịu trả tiền cho bà L, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L. Do đó, bà Đặng Thị Ngọc L yêu cầu bà Lê Thị Ngọc Đ trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền đã vay là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, đến khi Tòa án xét xử vụ án, theo từng thời gian cụ thể như sau:

+ Lãi từ ngày 20/12/2020 (AL) tức ngày 01/02/2021 (DL) đến ngày 12/5/2021 (DL) đối với số tiền 40.000.000đồng, thành tiền là: 40.000.000đồng x 1,66% x 3 tháng = 1.992.000đồng;

+ Lãi từ ngày 13/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện đối với số tiền là 100.000.000đồng;

Yêu cầu bà Đ trả vốn và lãi thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với việc bà Đ trình bày không thừa nhận chữ viết và chữ ký của bà trong biên nhận nợ số tiền 40.000.000 đồng ngày 20/12/2020 AL thì bà L không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Đ.

Theo biên nhận ngày 02/4/2021 Al đối với số tiền 60.000.000đồng có ghi tên chồng bà Đ là ông Nguyễn Văn Định, tuy nhiên việc vay tiền là của cá nhân bà Đ, ông Định không có vay tiền của bà L, do mẫu Biên nhận mượn tiền có mục tên chồng hoặc vợ nên khi bà Đ ghi nội dung biên nhận thì bà Đ đã tự ghi tên chồng vào. Nay bà L chỉ khởi kiện bà Lê Thị Ngọc Đ, không khởi kiện ông Nguyễn Văn Định.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Hồng Thu là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đặng Thị Ngọc L xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về việc trả lãi, cụ thể: Đối với số tiền vốn vay 40.000.000đồng (Theo Biên nhận ngày 20/12/2020 AL), bà L không yêu cầu tính lãi từ ngày 20/12/2020 (AL) tức ngày 01/02/2021 (DL) đến ngày 12/5/2021 (DL); mà chỉ yêu cầu tính lãi của tổng số tiền vốn 100.000.000đồng theo hai Biên nhận vay tính lãi từ ngày 13/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện, nhưng chỉ tính tròn 24 tháng, cụ thể 100.000.000đồng x 1,66%/tháng x 24 tháng = 39.840.000đồng;

** Tại phiên hòa giải ngày 22/02/2023 và tại bản tự khai ngày 08/6/2023, bị đơn bà Lê Thị Ngọc Đ trình bày:*

- Tại phiên hòa giải ngày 22/02/2023 bà Đ trình bày: Bà Đặng Thị Ngọc L (ở địa phương hay gọi bà L là chị T).

Do quen biết, từ năm 2020 đến năm 2021, bà Đ có vay tiền của bà Đặng Thị Ngọc L 3 lần, mỗi lần vay 20.000.000đồng, mỗi lần vay đều có làm biên nhận, do bà L giữ. Tổng cộng vay bà L 60.000.000 đồng. Khi đó, gộp lại là Biên nhận mượn tiền ngày 02/4/2021 Âl.

Đối với Biên nhận mượn tiền ngày 20/12/2020 Âl: Bà Đ không có vay số tiền 40.000.000 đồng theo biên nhận này, nội dung biên nhận, chữ ký và chữ viết tên Lê Thị

Ngọc Đ không phải do bà viết và ký tên. Bà Đ yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết tên Lê Thị Ngọc Đ tại biên nhận này. Bà Đ yêu cầu cho thời gian 7 ngày để bà nộp cho tòa án thủ tục trưng cầu giám định.

Đối với Biên nhận mượn tiền ngày 02/4/2021 Âl: Bà Đ thừa nhận có vay số tiền 60.000.000 đồng, chữ ký và chữ viết tên Lê Thị Ngọc Đ là do bà Đ ký và viết tên, nhưng nội dung biên nhận không phải do bà viết.

- Tại Bản tự khai ngày 08/6/2023, bà Đ lại khai: Bà Đ vay tiền bà L 3 lần, mỗi lần vay 20.000.000đồng, đều có viết biên nhận cho bà L giữ; Khi vay tiền lần thứ hai, bà L yêu cầu bà Đ viết biên nhận gộp lại thành 40.000.000 đồng là biên nhận ngày 20/12/2020AL; Khi vay tiền lần thứ 3, bà L yêu cầu bà Đ viết biên nhận gộp lại thành 60.000.000 đồng là biên nhận ngày 02/4/2021AL, nhưng bà Đ quên yêu cầu bà L xé bỏ biên nhận 40.000.000 đồng.

Bà Đ có ký tên và viết họ tên vào hai biên nhận trên, nhưng bà chỉ vay của bà L số tiền 60.000.000 đồng. Bà L nói với bà Đ là bà L cố tình không xé bỏ biên nhận 40.000.000 đồng để tính lãi cho bà Đ.

Bà Đ không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Đ trong biên nhận ngày 20/12/2020 âm lịch.

Theo yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L, bà Đ không đồng ý. Bà Đ chỉ có vay của bà L 60.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà L 60.000.000 đồng, xin không trả lãi, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 60.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, 92, 147, 220, 233, 235, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị Ngọc L.

Buộc bà Lê Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 39.840.000 đồng, tổng cộng là 139.840.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Đặng Thị Ngọc L có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu bà Lê Thị Ngọc Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 26 tháng 6 năm 2023, bị đơn Lê Thị Ngọc Đ có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét cho bà được trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền 60.000.000 đồng tiền vốn vay, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, xin không trả lãi.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Lê Thị Ngọc Đ thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc Đ và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn Đặng Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Thị Ngọc Đ trả số tiền 100.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 1,66/tháng tính từ tháng 9/2021 đến ngày xét xử. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Đặng Thị Ngọc L cung cấp 02 biên nhận gồm

- Biên nhận ngày 20/12/2020 (al) với số tiền 40.000.000 đồng.

- Biên nhận ngày 02/4/2021 (al) với số tiền 60.000.000 đồng;

[2.2] Bị đơn Lê Thị Ngọc Đ trình bày không thống nhất, cụ thể: tại phiên hòa giải ngày 22/02/2023, bà Đ chỉ thừa nhận vay của bà L 03 lần mỗi lần 20.000.000 đồng và gộp lại thành biên nhận mượn tiền ngày 02/4/2021 (al) với số tiền 60.000.000 đồng, thừa nhận chữ ký và viết tên, nhưng nội dung biên nhận không phải do bà viết. Bà Đ không thừa nhận số tiền vay 40.000.000 đồng trong biên nhận ngày 20/12/2020 (al) và cho rằng nội dung biên nhận, chữ ký và chữ viết tên Lê Thị Ngọc Đ không phải do bà viết và ký tên và bà Đ yêu cầu cho thời gian 7 ngày để bà nộp cho tòa án thủ tục trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết tên Lê Thị Ngọc Đ tại biên nhận này (bút lục 35-38). Trong khi đó tại bản tự khai ngày 08/6/2023, bà Đ thừa nhận việc ký tên và ghi rõ họ tên trong 02 biên nhận vay tiền nhưng cho rằng chỉ vay của bà Đặng Thị Ngọc L 3 lần, mỗi lần vay 20.000.000 đồng. Khi vay tiền lần thứ hai, bà L yêu cầu bà Đ viết biên nhận gộp lại thành 40.000.000 đồng là biên nhận ngày 20/12/2020 (al) và khi vay tiền lần thứ 3, bà L yêu cầu bà Đ viết biên nhận gộp lại thành 60.000.000 đồng là biên nhận ngày 02/4/2021 (al), nhưng bà Đ quên yêu cầu bà L xé bỏ biên nhận 40.000.000 đồng (bút lục 66).

[2.3] Bản án sơ thẩm nhận định bị đơn Lê Thị Ngọc Đ thừa nhận 02 biên nhận nợ 20/12/2020 (al) với số tiền 40.000.000 đồng và biên nhận ngày 02/4/2021 (al) với số tiền 60.000.000 đồng là do bà viết, ký tên; nhưng bà Đ không chứng minh được số tiền 60.000.000 đồng của biên nhận ngày 02/4/2021 (al) đã bao gồm số tiền 40.000.000 đồng của biên nhận ngày 20/12/2020 (al), trong khi đó nguyên đơn Đặng Thị Ngọc L không thừa nhận. Từ đó, bản án sơ thẩm buộc bà Lê Thị Ngọc Đ trả cho nguyên đơn Đặng Thị Ngọc L số tiền vốn 100.000.000 đồng, là có căn cứ.

[2.4] Về tiền lãi: Biên nhận ngày 20/12/2020 (al) với số tiền 40.000.000 đồng thể hiện thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 3%/tháng và Biên nhận ngày 02/4/2021 (al) với số tiền 60.000.000 đồng thể hiện thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất 3%/tháng. Bà Lê Thị Ngọc Đ cho rằng lãi suất 6%/tháng, bà đã trả lãi đầy đủ cho bà L nhưng bà không chứng cứ chứng minh và chị Lê Thị Hồng Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đặng Thị Ngọc L xác nhận từ khi vay bà Đ chỉ trả được khoảng 2.000.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị Hồng Thu là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đặng Thị Ngọc L chỉ yêu cầu tính lãi của tổng số tiền vốn 100.000.000 đồng từ ngày 13/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm và chỉ tính tròn 24 tháng, cụ thể 100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 24 tháng = 39.840.000 đồng. Bị đơn Lê Thị Ngọc Đ xin không trả lãi, nhưng nguyên đơn Đặng Thị Ngọc L không đồng ý, nên bản án sơ thẩm buộc bà Đ trả cho bà L số tiền lãi 39.840.000 đồng là phù hợp điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.5] Về phương thức trả: Bị đơn Lê Thị Ngọc Đ xin trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý, nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà Đ, là có căn cứ.

[3] Bị đơn Lê Thị Ngọc Đ kháng cáo cho rằng chỉ nợ bà Đặng Thị Ngọc L số tiền 60.000.000 đồng và xin trả dần nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chỉ nợ 60.000.000 đồng, trong khi đó bà thừa nhận chữ ký tên, ghi họ tên trong hai biên nhận là của bà. Đồng thời, việc xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng của bà Đ cũng không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị Ngọc Đ.

[4] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Đ được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc Đ. Sửa bản án sơ thẩm số 194/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang về án phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị Ngọc L.

Buộc bà Lê Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 39.840.000 đồng. Tổng cộng là 139.840.000 đồng *(Một trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày bà Đặng Thị Ngọc L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Lê Thị Ngọc Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị Ngọc Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2023-Tâm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm